

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Kế hoạch phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi, giai đoạn 2021-2030”;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2051/SNN-CNTY ngày 11 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Kế hoạch).

Điều 2. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông Nghiệp và PTNT (đề b/c);
- Cục Thú y (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT NN UBND tỉnh;
- Chi cục Thú y Vùng 3;
- PVP TC UBND tỉnh;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Lưu: VT, NN (M).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Kèm theo Quyết định số: 1968/QĐ-UBND Ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tổ chức phòng bệnh, khống chế và kiểm soát có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi và xây dựng thành công các vùng, cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh (ATDB) để phục vụ tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Chủ động phòng, khống chế các bệnh nguy hiểm ở tôm nuôi nước lợ, bảo đảm diện tích bị bệnh thấp hơn 10% tổng diện tích nuôi.

b) Chủ động phòng bệnh, khống chế bệnh ở ngao nuôi bảo đảm diện tích bị bệnh thấp hơn 5% tổng diện tích nuôi.

c) Chủ động phòng bệnh, giám sát phát hiện và khống chế kịp thời một số bệnh nguy hiểm trên đối tượng thủy sản nuôi khác, không để mầm bệnh lây lan rộng.

d) Ngăn chặn có hiệu quả một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm, nguy cơ xâm nhiễm vào địa bàn tỉnh các bệnh mới nổi.

đ) Xây dựng ít nhất 01 cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản ATDB đối với một số bệnh nguy hiểm theo quy định của Tổ chức Thú y thế giới (OIE) và quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phục vụ tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

(Các bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi trên thủy sản nuôi được ưu tiên kiểm soát của Kế hoạch này tại Phụ lục đính kèm).

II. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP

1. Phòng bệnh và khống chế có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm đang lưu hành

Nội dung phòng bệnh bao gồm: Giám sát mầm bệnh chủ động, quan trắc môi trường, thu thập thông tin bệnh, hoạt động nuôi trồng thủy sản kết hợp với tuyên truyền và hướng dẫn chủ cơ sở nuôi chủ động thực hiện phòng, chống dịch bệnh.

Khống chế dịch bệnh: Thực hiện đồng bộ các giải pháp để xử lý ổ dịch bệnh động vật thủy sản theo quy định tại Điều 33 Luật Thú y; áp dụng các biện

pháp kỹ thuật phòng, chống đối với một số bệnh động vật thủy sản nguy hiểm (Phụ lục II, III, IV và V Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 07/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản).

a) Tập trung, huy động các nguồn lực để chủ động phòng bệnh, chủ động giám sát, phát hiện kịp thời, ngăn chặn và khống chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trên thủy sản được ưu tiên kiểm soát của Kế hoạch này.

b) Áp dụng các quy trình kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh

- Tuân thủ các quy định về điều kiện cơ sở nuôi, xử lý nước thải, chất thải theo quy định, mùa vụ thả giống, chất lượng con giống được kiểm dịch/kiểm tra mầm bệnh, đảm bảo sạch bệnh trước lúc sản xuất và trước khi thả giống, áp dụng quy trình kỹ thuật nuôi, quản lý chăm sóc (VietGAP, GlobalGAP,...); áp dụng các biện pháp hỗ trợ nâng cao sức đề kháng cho thủy sản nhằm giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh. Thường xuyên theo dõi sức khỏe thủy sản nuôi, quan trắc môi trường, xử lý động vật trung gian truyền bệnh, định kỳ lấy mẫu thủy sản xét nghiệm các bệnh nguy hiểm thường gặp để có giải pháp phòng, chống dịch.

- Huy động nguồn lực xử lý kịp thời động vật thủy sản nghi mắc bệnh, mắc bệnh, chết; vệ sinh, tiêu độc, khử trùng và áp dụng các biện pháp xử lý ao hồ, lồng, bè nuôi thủy sản, môi trường nước, thức ăn, phương tiện, dụng cụ sử dụng trong quá trình nuôi,... giám sát cơ sở nuôi bị bệnh sau khi xử lý đảm bảo không phát tán nguồn bệnh ra môi trường.

- Xem xét, sử dụng vắc xin để chủ động phòng bệnh cho động vật thủy sản, giảm thiểu việc sử dụng kháng sinh, ngăn ngừa kháng thuốc trong nuôi trồng thủy sản.

c) Giám sát bị động tại tất cả các vùng nuôi và cơ sở nuôi trồng thủy sản

- Chủ cơ sở nuôi thường xuyên kiểm tra cơ sở nuôi thủy sản; trường hợp phát hiện động vật thủy sản có dấu hiệu bất thường, nghi mắc bệnh báo cáo ngay cho UBND cấp xã, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện để được lấy mẫu kịp thời, xét nghiệm xác định tác nhân gây bệnh và các thông số quan trắc môi trường.

- Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện tổ chức điều tra dịch tễ và hướng dẫn người nuôi áp dụng các biện pháp xử lý tổng hợp theo quy định, không để dịch bệnh lây lan rộng; thực hiện báo cáo dịch theo quy định. Trường hợp dịch diễn biến phức tạp, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện phải báo cáo ngay cho UBND cấp huyện và Chi cục Chăn nuôi và Thú y để phối hợp điều tra dịch tễ, triển khai các biện pháp phòng, chống dịch, không để dịch lây lan ra diện rộng.

- Bệnh được giám sát: Các loại dịch bệnh nguy hiểm đang lưu hành, bệnh mới nổi (*Tại phụ lục kèm theo*) và một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm khác theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

d) Giám sát chủ động

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch, phối

hợp với địa phương tổ chức giám sát chủ động tại các cơ sở, vùng sản xuất giống, cơ sở nuôi thương phẩm theo nội dung sau:

* *Đối tượng, bệnh được giám sát:* Tại phụ lục kèm theo.

Tùy tình hình dịch bệnh trong nước, dịch tễ dịch bệnh một vài năm trở lại trên địa bàn tỉnh, có thể điều chỉnh loại bệnh cần tập trung giám sát hàng năm phù hợp với từng địa phương.

* *Địa điểm giám sát:*

+ Các cơ sở sản xuất giống thủy sản nước ngọt, mặn, lợ;
+ Các vùng nuôi thủy sản thâm canh, bán thâm canh, khu vực nuôi lồng trên thủy vực mặt nước lớn.

* *Tần suất giám sát:*

+ Đối với cơ sở sản xuất giống mặn lợ: 3-4 đợt/năm (tùy thuộc vào thời gian sản xuất giống).

+ Đối với cơ sở sản xuất giống cá nước ngọt: 01- 02 đợt/năm.

+ Đối với nuôi tôm mặn lợ: ít nhất 04 đợt/năm (thời gian lấy mẫu giữa các đợt cách nhau tối đa 01 tháng).

+ Đối với nuôi cá nước ngọt, cá lồng, ngao: ít nhất 02 đợt/năm.

* *Số vùng nuôi, cơ sở sản xuất giống được giám sát:*

+ Cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống mặn lợ, nước ngọt: ít nhất 30% số cơ sở được giám sát trên 01 huyện.

+ Vùng nuôi tôm thâm canh, bán thâm canh: 02-03 vùng nuôi/01 huyện (gồm 04 huyện, thị: Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc).

+ Vùng nuôi ngao: 01 vùng nuôi/01 huyện (gồm 04 huyện, thị: Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc).

+ Vùng nuôi cá nước ngọt thâm canh, bán thâm canh: 01 vùng/01 huyện (gồm 05 huyện: Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên Thành, Nam Đàn, Tân Kỳ).

+ Vùng nuôi cá lồng trên thủy vực mặt nước lớn: 02 vùng/01 huyện (gồm 05 huyện: Tương Dương, Anh Sơn, Quế Phong, Quỳnh Châu, Tân Kỳ).

Tùy thuộc vào tình hình nuôi, tình hình dịch bệnh tại các địa phương, UBND cấp huyện chủ động xây dựng kế hoạch vùng nuôi, cơ sở nuôi cần lấy mẫu giám sát hàng năm.

* *Số mẫu giám sát:*

+ Đối với cơ sở sản xuất, ương giống: thu mẫu ít nhất 05 mẫu gộp thành 01 mẫu xét nghiệm.

+ Đối với vùng nuôi: thu mẫu ít nhất 10 mẫu/10 hộ của 01 vùng nuôi, gộp 05 mẫu thành 01 mẫu xét nghiệm.

Trường hợp mẫu gộp dương tính, sẽ xét nghiệm riêng lẻ từng mẫu để xác định bể/ao dương tính. Mẫu xét nghiệm có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh nguy hiểm, tổ chức điều tra dịch tễ và hướng dẫn các biện pháp xử lý nhằm

loại bỏ tác nhân gây bệnh theo ý 2, ý 3 điểm a Mục 1 Phần II của Kế hoạch này.

đ) Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu cấp tỉnh và bản đồ dịch tễ lưu hành một số dịch bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản.

- Đầu tư nâng cấp và xây dựng cơ sở dữ liệu về dịch bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản theo chỉ đạo, kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y xây dựng bản đồ dịch tễ và đề xuất, hướng dẫn các biện pháp xử lý phù hợp với thực tiễn, bảo đảm hiệu quả ngăn ngừa dịch bệnh.

e) Kiểm dịch, kiểm soát động vật, sản phẩm động vật thủy sản

- Thực hiện nghiêm việc kiểm dịch động vật thủy sản theo quy định của pháp luật. Thủy sản sử dụng làm giống lưu thông trong tỉnh, cần có nguồn gốc rõ ràng, được xét nghiệm âm tính với các tác nhân gây bệnh nguy hiểm.

- Tổ chức giám sát, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh nguy hiểm trên động vật thủy sản sử dụng làm giống theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kiểm soát, ngăn chặn, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, buôn bán bất hợp pháp động vật thủy sản và sản phẩm động vật thủy sản lưu hành trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Xây dựng một số vùng, cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản ATDB để phục vụ tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu:

Giao Chi cục Chăn nuôi và Thú y chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức, chỉ đạo, thực hiện:

a) Hướng dẫn cơ sở: Chủ động xây dựng cơ sở An toàn dịch bệnh động vật theo quy định, giám sát chủ động các bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi trên tôm nuôi được liệt kê tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này và một số bệnh theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và PTNT; ghi chép, lưu trữ thông tin đầy đủ theo quy định.

b) Tổ chức phổ biến, tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp các quy định về vùng, cơ sở ATDB của OIE và của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lưu trữ thông tin, dữ liệu của tỉnh, dữ liệu của địa phương và doanh nghiệp về dịch bệnh, giám sát dịch bệnh, các tài liệu liên quan để được công nhận ATDB.

3. Tăng cường năng lực chẩn đoán, xét nghiệm bệnh thủy sản

a) Đầu tư trang thiết bị, nâng cao năng lực phòng thử nghiệm thực hiện công tác chẩn đoán xét nghiệm bệnh thủy sản, đảm bảo xét nghiệm được các bệnh do vi rút, vi khuẩn, ký sinh trùng.... phục vụ cho công tác Kiểm dịch và phòng, chống dịch bệnh động vật, thủy sản.

b) Đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực về dịch tễ, kỹ thuật xét nghiệm cho đội ngũ cán bộ làm công tác chẩn đoán, xét nghiệm, bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn

của Việt Nam.

c) Tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng đối với một số bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi.

d) Thực hiện báo cáo và chia sẻ kết quả xét nghiệm, tình hình, diễn biến dịch bệnh nguy hiểm theo yêu cầu.

4. Tăng cường năng lực quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản

Giao Chi cục Thủy sản chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND cấp huyện tổ chức, chỉ đạo, thực hiện:

a) Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản.

b) Tăng cường công tác quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản theo quy định, đặc biệt tại các vùng nuôi tập trung đối tượng nuôi chủ lực, đối tượng nuôi có giá trị kinh tế,... để cảnh báo, chủ động ứng phó với các điều kiện môi trường bất lợi nhằm giảm thiểu thiệt hại trong nuôi trồng thủy sản.

c) Rà soát, đánh giá hiện trạng, bổ sung các điểm quan trắc môi trường; ưu tiên hệ thống quan trắc tự động tại các vùng nuôi thủy sản tập trung, vùng nuôi biển, vùng nuôi lồng trên thủy vực mặt nước lớn.

d) Rà soát, đánh giá hiện trạng, bổ sung trang thiết bị, máy móc, nguồn lực cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ quan trắc, cảnh báo môi trường.

đ) Tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ làm công tác về quan trắc môi trường.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin

a) Ứng dụng khoa học công nghệ, nghiên cứu, đề xuất biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản, bao gồm: báo cáo, chia sẻ, phân tích số liệu dịch bệnh, dự báo, cảnh báo dịch bệnh, lập bản đồ dịch tễ,...

6. Thông tin, tuyên truyền phổ biến kiến thức

a) Xây dựng chiến lược truyền thông nguy cơ phù hợp với từng đối tượng thủy sản nuôi, loại hình truyền thông; tổ chức tập huấn về truyền thông nguy cơ.

b) Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý và bảo vệ môi trường vùng nuôi trồng thủy sản, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh thủy sản, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản, xây dựng cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản ATDB.

c) Chia sẻ kết quả giám sát bị động, giám sát chủ động, xây dựng cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản ATDB, kết quả quan trắc, cảnh báo môi trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ các nội dung của Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế để tổ

chức triển khai đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp phòng, chống bệnh một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi trong giai đoạn từ năm 2021 - 2030. Một số yêu cầu cụ thể đối với các Sở, ngành, UBND cấp huyện, xã và tổ chức, cá nhân như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch này. Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản hàng năm xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch thuộc nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; cân đối, bố trí vốn đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, kinh phí trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện Kế hoạch; chủ trì, chỉ đạo tổ chức triển khai các nội dung được phân công trong Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT kết quả thực hiện theo định kỳ và tổng kết hết giai đoạn.

b) Hàng năm, hướng dẫn UBND cấp huyện chủ động tổ chức lấy mẫu giám sát lưu hành các tác nhân gây bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi trên thủy sản để cảnh báo dịch bệnh và hướng dẫn, tổ chức công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản hiệu quả.

c) Xem xét lựa chọn các cơ sở, chuỗi sản xuất tôm xuất khẩu để hướng dẫn, hỗ trợ giám sát dịch bệnh, chuyên môn trong quá trình xây dựng cơ sở ATDB nhằm hỗ trợ đẩy mạnh xuất khẩu. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lựa chọn các vùng trọng điểm nuôi tôm, vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao để thực hiện kế hoạch giám sát chủ động dịch bệnh, hướng tới mục tiêu xây dựng thành vùng ATDB theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan thông tấn báo chí, UBND cấp huyện tổ chức thông tin, tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản.

e) Hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng chống dịch bệnh thủy sản.

g) Căn cứ nhu cầu và nguồn lực của địa phương, yêu cầu của doanh nghiệp và người nuôi trồng thủy sản, tổ chức xây dựng vùng, cơ sở ATDB, vùng đệm cơ sở ATDB theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và khuyến cáo của OIE.

h) Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện các nội dung theo quy định của Kế hoạch này; tổ chức sơ kết, tổng kết Kế hoạch; tổ chức hướng dẫn, tập huấn; thẩm định, đánh giá cơ sở ATDB.

k) Kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật để tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh thủy sản; xây dựng các vùng, hỗ trợ xây dựng cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản ATDB; triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế để thúc đẩy xuất khẩu thủy sản từ Việt Nam sang các nước.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hằng năm tham mưu cân đối, bố trí kinh phí chi thường xuyên phục vụ hoạt động phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định; đề xuất, bố trí kinh phí triển khai các nội dung của Kế hoạch này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh nguồn kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi trên động vật thủy sản.

b) Chủ trì, căn cứ khả năng cân đối vốn ngân sách để tham mưu bố trí vốn thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở, ngành và các địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản giai đoạn 2021 - 2030; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp).

b) Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí và hệ thống đài truyền thanh cơ sở tổ chức công tác truyền thông về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản để chủ động áp dụng các biện pháp phòng bệnh, hợp tác trong xử lý ổ dịch.

5. Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An, Cổng Thông tin điện tử Nghệ An

Chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí của các đơn vị để tổ chức thông tin, tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi trên thủy sản nuôi.

6. Các Sở, ngành cấp tỉnh có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, cân đối và bố trí vốn đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện Kế hoạch này; bố trí kinh phí và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nội dung được phân công trong Kế hoạch; hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp).

7. Ban Chỉ đạo phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (Ban Chỉ đạo 389 tỉnh)

a) Tổ chức triển khai lực lượng tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép động vật thủy sản và sản phẩm động vật thủy sản từ ngoài vào địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Phối hợp chặt chẽ, chủ động chia sẻ thông tin, dữ liệu với Chi cục Chăn nuôi và thú y tỉnh; phối hợp chỉ đạo tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Ủy ban nhân dân các cấp

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Xây dựng Kế hoạch phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn, hàng năm xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; cân đối, bố trí kinh phí trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện Kế hoạch; chỉ đạo các phòng, các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nội dung được phân công trong Kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp/Kinh tế, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo hướng dẫn, chỉ đạo của Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản.

- Căn cứ vào thực tế nuôi trồng thủy sản trên địa bàn, hàng năm phê duyệt, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát chủ động lưu hành tác nhân gây bệnh thủy sản tại các vùng nuôi thủy sản trọng điểm, vùng nuôi thủy sản công nghệ cao, cơ sở sản xuất giống thủy sản, vùng đệm của cơ sở ATDB,... của địa phương để cảnh báo và triển khai các hoạt động phòng chống dịch cho phù hợp và hiệu quả.

- Bố trí kinh phí triển khai đầy đủ các nội dung phòng, chống dịch bệnh thủy sản đảm bảo đạt các chỉ tiêu kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản, phòng chống dịch bệnh của địa phương.

- Căn cứ nhu cầu và nguồn lực của địa phương, yêu cầu của doanh nghiệp và người nuôi trồng thủy sản, phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y hỗ trợ giám sát dịch bệnh và hỗ trợ chuyên môn trong quá trình xây dựng cơ sở ATDB, tổ chức xây dựng vùng, cơ sở ATDB, vùng đệm cơ sở ATDB theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và khuyến cáo của OIE.

- Tổ chức tuyên truyền, đào tạo tập huấn về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021 - 2030 theo Kế hoạch và theo yêu cầu quản lý của địa phương.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác phòng, chống dịch, đặc biệt công tác giám sát, phát hiện và xử lý ổ dịch.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chỉ đạo, tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này và Kế hoạch của UBND cấp huyện.

- Tổ chức triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản, báo cáo và xử lý ổ dịch theo quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thú y.

- Chủ động bố trí kinh phí thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định của Luật Thú y.

- Cử cán bộ có chuyên môn về thú y, thủy sản triển khai nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh thủy sản.

9. Các hội, hiệp hội, danh nghiệp, người nuôi trồng thủy sản

a) Các hội, hiệp hội chủ động phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y, UBND cấp huyện để phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân là thành viên của hội và hiệp hội tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch này.

b) Các doanh nghiệp, người nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là các cơ sở sản xuất giống thủy sản, cơ sở có chuỗi sản xuất thủy sản để xuất khẩu: Chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát lưu hành tác nhân gây bệnh thủy sản trong cơ sở của mình theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y; bố trí kinh phí, nguồn lực để thực hiện Kế hoạch. Doanh nghiệp và người nuôi chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát thủy sản trong suốt quá trình thả nuôi và phải báo ngay cho chính quyền cơ sở và cơ quan thú y các cấp khi phát hiện thủy sản có dấu hiệu bất thường, nghi ngờ dịch bệnh. Tổ chức giám sát, lấy mẫu, xét nghiệm để xác định tác nhân gây bệnh (nếu có) đối với tất cả các trường hợp thủy sản chết bất thường, thủy sản có dấu hiệu mắc bệnh tại cơ sở nuôi. Thực hiện việc báo cáo, chia sẻ thông tin dịch bệnh thủy sản theo các quy định hiện hành.

c) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và nuôi trồng thủy sản để xuất khẩu cần chủ động xây dựng kế hoạch giám sát dịch bệnh và hoàn thiện các điều kiện để được công nhận cơ sở ATDB theo quy định.

IV. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện bố trí kinh phí theo khả năng cân đối cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển của các cơ quan của địa phương, bao gồm:

1. Ngân sách tỉnh

a) Giám sát bị động, tổ chức thu mẫu và xét nghiệm tác nhân gây bệnh khi có thủy sản chết bất thường, tổ chức điều tra dịch tễ, xây dựng bản đồ dịch tễ.

b) Tổ chức hoạt động giám sát chủ động dịch bệnh tại các vùng nuôi, cơ sở sản xuất giống với tần suất giám sát theo Kế hoạch này (điểm đ, khoản 1, phần II).

c) Tổ chức các hoạt động phòng chống dịch, xử lý ổ dịch.

d) Xây dựng vùng sản xuất thủy sản ATDB.

đ) Nâng cao năng lực cho đội ngũ thú y cấp tỉnh, huyện trong công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản; nâng cao năng lực phòng thử nghiệm (xây dựng, nâng cấp, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phòng thử nghiệm, nhân lực phục vụ chẩn đoán xét nghiệm...) thực hiện công tác chẩn đoán, xét nghiệm bệnh thủy sản của tỉnh.

e) Tổ chức quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn, cập nhật và duy trì cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường vào cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ truy xuất nguồn gốc.

g) Triển khai công tác truyền thông; tổ chức đào tạo tập huấn cho đội ngũ thú y thủy sản các cấp, cơ sở kinh doanh thuốc thú y thủy sản, sản xuất con giống thủy sản, người nuôi trồng thủy sản.

2. Ngân sách huyện

a) Giám sát bị động, tổ chức thu mẫu và xét nghiệm tác nhân gây bệnh khi có thủy sản chết bất thường, tổ chức điều tra dịch tễ, xây dựng bản đồ dịch tễ cấp huyện (công tác phí, vật tư, gửi mẫu, nhân lực chống dịch...)

b) Tổ chức hoạt động giám sát chủ động dịch bệnh tại các vùng nuôi, cơ sở sản xuất giống với tần suất giám sát theo Kế hoạch này (điểm đ, khoản 1, phần II).

Kinh phí lấy mẫu (vật tư, công tác phí), xét nghiệm, điều tra ổ dịch, xử lý ổ dịch...

c) Kinh phí cho các hoạt động phòng chống dịch, xử lý ổ dịch.

d) Tổ chức xây dựng vùng sản xuất thủy sản ATDB.

đ) Nâng cao năng lực cho đội ngũ thú y cấp huyện, xã trong công tác phòng chống dịch bệnh thủy sản.

e) Triển khai công tác truyền thông; tổ chức đào tạo tập huấn cho đội ngũ thú y thủy sản cấp huyện, xã, cơ sở sản xuất con giống thủy sản, người nuôi trồng thủy sản.

3. Kinh phí do doanh nghiệp, chủ cơ sở nuôi tự đảm bảo

a) Tổ chức hoạt động giám sát dịch bệnh trong chuỗi sản xuất của doanh nghiệp.

b) Tổ chức các hoạt động phòng, chống dịch tại cơ sở nuôi.

c) Tổ chức xây dựng cơ sở/chuỗi sản xuất thủy sản ATDB.

d) Nâng cao năng lực phòng thử nghiệm thực hiện công tác chẩn đoán, xét nghiệm bệnh thủy sản của doanh nghiệp.

4. Kinh phí huy động từ nguồn lực khác

Ngoài các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, tăng cường kêu gọi các tổ chức quốc tế, nhà tài trợ hỗ trợ kinh phí, kỹ thuật cho các hoạt động phòng, chống bệnh thủy sản trên địa bàn tỉnh./.

Phụ lục
CÁC BỆNH NGUY HIỂM, BỆNH MỚI NỔI TRÊN THỦY SẢN NUÔI
ĐƯỢC ƯU TIÊN PHÒNG BỆNH, KHÔNG CHẾ VÀ KIỂM SOÁT
(Kèm theo Quyết định số: 1968/QĐ-UBND Ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Nghệ An)

1. Trên tôm nuôi nước lợ (tôm thẻ, tôm sú):
 - a) Các bệnh nguy hiểm đang lưu hành: Bệnh đốm trắng (WSD), hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND), hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (IHHND), vi bào tử trùng (EHP).
 - b) Các bệnh nguy hiểm, bệnh mới nổi trên tôm có nguy cơ xâm nhiễm vào trong nước: Hội chứng Taura (TSV), đầu vàng (YHD), bệnh do DIV1 (DIV1), hoại tử gan tụy (NHP), teo gan tụy (HPD), hoại tử cơ (IMN).
2. Trên ngao nuôi: Bệnh do Perkinsus (tác nhân *P. marinus*, *P. olseni*).
3. Trên cá song/mú, vược/chêm, giò/bớp: Bệnh hoại tử thần kinh (VNN).
4. Trên cá chép, trắm, trôi, mè: Bệnh xuất huyết mùa xuân ở cá chép (SVC), bệnh do Koi Herpes virus (KHV), bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn *Streptococcus*.
5. Trên cá rô phi, cá điêu hồng: Bệnh do TilV (TiLV) và bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn *Streptococcus*.
6. Một số tác nhân gây bệnh nguy hiểm khác, bệnh mới nổi theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo cảnh báo của OIE/ NACA.

